



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01609

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : AroMar
Số lượng/khối lượng : 1.008 gói/1.008 kg
Hãng, nước sản xuất : PlusVet Qingdao Animal Health Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 2025022002 ngày 21/02/2025
Hóa đơn số : 2025031301 ngày 13/3/2025
Vận đơn số : JWLEM25020917
Ngày sản xuất : 27/02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 1836/HQ-GDK-TTKN ngày 21/03/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033566)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU WMW**
Địa chỉ: số 36 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 108 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01610

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : PhytoAqua
Số lượng/khối lượng : 120 thùng và 1.008 chai/4.008 lít
Hãng, nước sản xuất : PlusVet Qingdao Animal Health Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 2025022001 ngày 20/02/2025
và 2025022601 ngày 26/02/2025
Hóa đơn số : 2025031301 ngày 13/3/2025
Vận đơn số : JWLEM25020917
Ngày sản xuất : 26/02/2025; 03/3/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 1836/HQ-GDK-TTKN ngày 21/03/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033566)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU WMW**
Địa chỉ: số 36 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 108 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01611

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Mixed feed additives Feed enzyme – ENZYME PLUS
Số lượng/khối lượng : 2.000 gói/2.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Henan New Yangshao Biotechnology Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : YSS20250212S ngày 12/02/2025
Hóa đơn số : YSS20250212S ngày 07/3/2025
Vận đơn số : WHL2025021827
Ngày sản xuất : 24/02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 1613/HQ-GDK-TTKN ngày 14/03/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033266)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU WMW**
Địa chỉ: số 36 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT;
QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 108 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 15 tháng 4 năm 2025



Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01612

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : BZT WP
Số lượng/khối lượng : 2.000 gói/1.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Henan New Yangshao Biotechnology Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : YSS20250212S ngày 12/02/2025
Hóa đơn số : YSS20250212S ngày 07/3/2025
Vận đơn số : WHL2025021827
Ngày sản xuất : 25/02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 1613/HQ-GDK-TTKN ngày 14/03/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250033266)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU WMW**
Địa chỉ: số 36 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT;
QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 108 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Yên



BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)

Doanh nghiệp/ ngày mã hoá	Mã mẫu	Quy chuẩn áp dụng	Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích		Ghi chú
			Tên sản phẩm	Chỉ tiêu phân tích	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu WMW 26/3/2025	0325290/HQV2	Mục 2.3 bảng 3 QCVN 02 -31-2:2019/BNNPT NT	Phytoaqua	Hg (mg/kg) Pb (mg/kg) As vô cơ (mg/ kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	BNNPT NT2925 0033566
	0325289/HQV2	Mục 2.3 bảng 3; mục 2.4 bảng 5 QCVN 02 -31-2:2019/BNNPT NT	AroMar	Hg (mg/kg) Cd (mg/kg) Pb (mg/kg) As vô cơ (mg/ kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	

Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ

Nguyễn Thế Linh

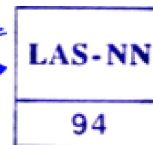
2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm

Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...)	Phòng thí nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Nguyễn Thế Linh	Trung tâm Vùng II	15h30 ngày 26/3/2025	ASTAC	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3119/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế Linh
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 81925031113
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 27/03/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 27/03/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0325290/HQV2	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*) (**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*) (**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 31/03/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

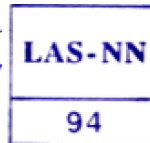
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3118/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế Linh
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 81925031112
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 27/03/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 27/03/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0325289/HQV2	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*) (**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*) (**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 31/03/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: /

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm KN, KN, KĐ nuôi trồng thủy sản vùng 2
Địa chỉ/ Address: 135A, Pasteur, P. Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại/Tel: Email: ttnknphianam@gmail.com
Người liên hệ/ Contact Person: Nguyễn Thế Linh . Điện thoại/Tel: 0907605635

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information ☐ Có/Yes; ☐ Không/No:

Tên / Name:
Địa chỉ/ Address:
Mã số thuế/ Tax code:
E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/ Weight hoặc/or Thể tích/ Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (TTVI ghi cột này/TTVI writes this column)
1.	0325288/HQV2	Mục 2.1 bảng 1 QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT	02 mẫu, 500 g/ mẫu	As vô cơ Pb (mg/kg) Cd (mg/kg) Hg (mg/kg) E. coli (CFU/g) Salmonella (CFU/ 25 g)	An Thịnh Phát	
2.	0325289/HQV2	Mục 2.3 bảng 3; mục 2.4 bảng 5 QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT	02 mẫu, 500 g/ mẫu		WMW	
3.	0325290/HQV2	Mục 2.3 bảng 3 QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT	02 mẫu, 500 g/ mẫu	Pb (mg/kg) As vô cơ (mg/kg) Hg (mg/kg) E. coli (CFU/g) Salmonella (CFU/ 25 g)		

c. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose: ☐ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☐ Email (bản ký số/digital signature) Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐ Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☐ Không/No Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):	Người gửi mẫu/ Customer 
---	---

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☐ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☐ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen Ghi chú/note:	Người nhận mẫu/ Recipient
--	------------------------------



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799

Email: astac.mk@gmail.com



.....	
-------	--

Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ *Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the " Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.*

- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột “Phương pháp thử”, trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ *If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.*

- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ *ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.*